TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **139**/2019/LĐ-ST
Ngày: 26-11-2019
Về việc tranh chấp *"đòi tiền lương, bảo hiểm xã hội"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Kim Trinh**
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông **Nguyễn Công Chi** – Nơi công tác: Cán bộ hưu trí.
+ Ông **Hà Thúc Liêu** – Nơi công tác: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận Liên Chiểu.

- Thư ký phiên toà: Bà **Trần Ngô Khánh Loan** - Thư ký Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Võ Quang Tiến** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:**01**/2019/TLST-LĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp "đòi tiền lương, bảo hiểm xã hội" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2019/QĐXX-ST ngày 21 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Thúy A** – sinh năm 1989; Trú tại: Thôn Q, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Ngọc O – sinh năm 1980; Trú tại: Tổ 19, phường H, quận C, TP Đà Nẵng (Theo giấy ủy quyền có xác nhận của UBND quận Liên Chiểu ngày 07.6.2019). Có mặt.

- *Bị đơn:* **Công ty TNHH MTV T;** địa chỉ: Đường số 06, khu công nghiệp H, quận L, TP Đà Nẵng.

Đại diện theo pháp luật: Ông K – Chức vụ: Giám đốc; trú tại: 6 N, G, Seoul, Hàn Quốc. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Bảo hiểm xã hội thành phố Đ**; địa chỉ: Số 43 đường X, quận H, TP Đà Nẵng.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn H– Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Anh H – Chức vụ: Phó trưởng phòng Quản lý thu (Theo giấy ủy quyền số 1983/BHXH-QLT ngày 25.11.2019). Có mặt.

- *Người làm chứng:* Bà **Lê Thị Kiều C** – sinh năm 1981; trú tại: Số 64/9 đường T, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trần Thị Thúy A và đại diện theo ủy quyền là bà Lê Thị Ngọc O trình bày:

Bà Trần Thị Thúy A vào làm việc tại Công ty TNHH MTV T từ ngày 01.4.2016 theo Hợp đồng thử việc số 48/HĐTV/2016. Quá trình làm việc bà A luôn chấp hành nội quy, quy định của Công ty. Tuy nhiên, từ tháng 6.2018 Công ty chỉ thanh toán một phần tiền lương; tháng 7.2018 bà Trần Thị Thúy A nghỉ thai sản. Lương tháng 6.2018 của bà A theo Bảng tổng hợp tiền lương thưởng và các khoản phụ cấp tháng 06/2018 do ông K – Chức vụ: Giám đốc ký là 1.801.070 đồng. Bà A đã 02 lần nhận chuyển khoản lương tháng 6.2018 thông qua Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Phòng giao dịch khách hàng chi nhánh Hải Vân: lần 01 nhận vào ngày 10.7.2018 là 500.000 đồng; lần 02 nhận vào ngày 03.8.2018 là 240.000 đồng; tổng 02 lần nhận là 740.000 đồng. Như vậy Công ty còn nợ bà A lương tháng 06.2018 là 1.061.070 đồng. Ngoài ra Công ty còn nợ tiền bảo hiểm xã hội gốc và lãi đối với Bảo hiểm xã hội thành phố Đ là 19,176,942 đồng gốc và 1,831,469 đồng lãi. Nay bà A yêu cầu Tòa án buộc Công ty có trách nhiệm:

- Thanh toán cho bà A một phần còn lại lương tháng 6/2018 là 1,061,070 đồng.
- Thực hiện đóng tiền bảo hiểm xã hội còn nợ đối với Bảo hiểm xã hội thành phố Đ: gốc là 19,176,942 đồng và lãi là 1,831,469 đồng. Tổng nợ bảo hiểm xã hội là 21,008,411 đồng.

Tổng tiền bà A yêu cầu là 1,061,070 đồng + 21,008,411 đồng = 22,069,481 đồng.

Bị đơn - Công ty TNHH MTV T (Đại diện theo pháp luật: Ông K – Chức vụ: Giám đốc) đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Theo bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội thành phố Đ – Đại diện theo ủy quyền là ông Trần Anh H trình bày:

Công ty TNHH MTV T không thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho bà Trần Thị Thúy A từ tháng 11.2016 đến tháng 6.2018 với tổng số tiền gốc là 19,176,942 đồng (Tháng 7.2018 bà Trần Thị Thúy A nghỉ thai sản). Ngoài ra do Công ty TNHH MTV T chậm đóng bảo hiểm xã hội nên phải chịu tiền lãi từ tháng 02.2017 đến tháng 7.2018 là 1,831,469 đồng. Tổng nợ gốc và lãi Công ty còn nợ là 21,008,411 đồng.

Việc tính lãi chậm đóng bảo hiểm xã hội năm 2017 thực hiện theo Thông báo số 259/TB-BHXH ngày 02.3.2017 Bảo hiểm xã hội thành phố Đ là 15,8%/năm (1,317%/tháng); lãi chậm đóng Bảo hiểm xã hội năm 2018 thực hiện theo Thông báo số 195/TB-BHXH ngày 30.01.2018 của Bảo hiểm xã hội thành phố Đ là 14,5%/năm (1,2084%/tháng).

Việc người lao động khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV T đóng tiền bảo hiểm xã hội còn nợ là đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, Bảo hiểm xã hội thành phố Đ đã đồng ý cho bà A đóng số tiền bảo hiểm xã hội còn nợ để giải quyết chế độ thai sản. Tuy nhiên, để đảm bảo đúng quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội thì đề nghị Tòa án vẫn buộc Công ty TNHH MTV T đóng số tiền bảo hiểm xã hội còn nợ cho Bảo hiểm xã hội thành phố Đ. Sau khi Công ty thực hiện đóng bảo hiểm xong, Bảo hiểm xã hội thành phố Đ sẽ trả lại số tiền bảo hiểm xã hội mà bà A đã đóng.

Do Công ty TNHH MTV T ngừng hoạt động nên Bảo hiểm xã hội thành phố Đ chỉ tính lãi chậm đóng đến tháng 7.2018, không tiếp tục tính lãi đến thời điểm xét xử cũng như giai đoạn thi hành án sau này.

Người làm chứng – bà Lê Thị Kiều C vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, tại Bản tự khai ngày 01.9.2019 bà Lê Thị Kiều C trình bày bà phụ trách công tác hành chính nhân sự của Công ty TNHH MTV T; bảng chấm công từng người lao động tháng 7.2018 (từ ngày 01.7.2018-21.7.2018) là do bà cung cấp; các tài liệu này đều được trích từ hồ sơ quản lý nhân sự trong thời gian làm việc tại Công ty TNHH MTV T. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu:

- Về thủ tục tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn là Công ty TNHH MTV T đã không trình bày ý kiến của mình và vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH MTV T thanh toán cho bà Trần Thị Thúy A một phần lương tháng 6.2018 là 1,061,070 đồng; đóng bảo hiểm xã hội cho bà Trần Thị Thúy A thời gian từ tháng 11.2016 đến tháng 6.2018 với số tiền 21,008,411 đồng (trong đó gốc là 19,176,942 đồng và lãi là 1,831,469 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về lao động giữa nguyên đơn bà Trần Thị Thúy A và Công ty TNHH MTV T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Bị đơn Công ty TNHH MTV T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa Công ty TNHH MTV T vắng mặt không có lý do. Người làm chứng Lê Thị Kiều C vắng mặt nhưng đã gửi lời khai cho Tòa án và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt Công ty TNHH MTV T và bà Lê Thị Kiều C.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Đối với tranh chấp đòi tiền lương: Bà Trần Thị Thúy A yêu cầu Công ty TNHH MTV T thanh toán một phần còn lại lương tháng 6/2018 là 1,061,070 đồng.

HĐXX xét thấy, theo Bảng tổng hợp tiền lương thưởng và các khoản phụ cấp tháng 06/2018 do ông K – Chức vụ: Giám đốc ký thì lương bà Trần Thị Thúy A là 1.801.070 đồng. Công ty TNHH MTV T đã chuyển khoản lần 01 vào ngày 10.7.2018 là 500.000 đồng và chuyển khoản lần 02 vào ngày 03.8.2018 là 240.000 đồng. Như vậy, số tiền lương tháng 6.2018 còn lại Công ty chưa thanh toán là: 1.801.070 đồng – (500.000 đồng + 240.000 đồng) = 1.061.070 đồng.

HĐXX xét thấy, việc Công ty TNHH MTV T không thanh toán đủ lương là vi phạm Điều 3 Hợp đồng lao động số 14/2018/HĐLĐ-L3 ngày 02.5.2018. Do đó, bà A khởi kiện, yêu cầu Công ty TNHH MTV T thanh toán một phần lương tháng 6.2018 là có cơ sở. Tổng tiền lương tháng 6.2018 Công ty TNHH MTV T phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà A là: 1,061,070 đồng.

[2.2] Đối với tranh chấp đòi tiền bảo hiểm xã hội: Trong thời gian từ tháng 11/2016 đến tháng 6/2018 Công ty TNHH MTV T không thực hiện đóng BHXH nên bà Trần Thị Thúy A yêu cầu Công ty đóng tiền BHXH còn nợ là 21,008,411 đồng (trong đó gốc là 19,176,942 đồng và lãi là 1,831,469 đồng) cho bà.

HĐXX xét thấy Hợp đồng lao động số 14/2018/HĐLĐ-L3 ngày 02.5.2018 là hợp đồng không xác định thời hạn. Theo quy định khoản 1 Điều 186 Bộ luật Lao động, Điều 2 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội thì người sử dụng lao động,

người lao động phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc; hằng tháng người sử dụng lao động có trách nhiệm trích tiền lương của người lao động để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội. Việc Công ty TNHH MTV T không thực hiện đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 11.2016 đến tháng 6.2018 cho bà A là trái quy định của pháp luật nên cần phải buộc Công ty thực hiện đóng bảo hiểm xã hội với số tiền gốc là 19,176,942 đồng. Do Công ty TNHH MTV T chậm đóng BHXH nên phải chịu lãi chậm đóng theo quy định của Bảo hiểm xã hội thành phố Đ, cụ thể: Năm 2017 thực hiện theo Thông báo số 259/TB-BHXH ngày 02.3.2017 Bảo hiểm xã hội thành phố Đ là 15,8%/năm (1,317%/tháng); năm 2018 thực hiện theo Thông báo số 195/TB-BHXH ngày 30.01.2018 của Bảo hiểm xã hội thành phố Đ là 14,5%/năm (1,2084%/tháng). Số lãi chậm đóng mà Công ty phải chịu là 1,831,469 đồng. Như vậy, Công ty TNHH MTV T phải thực hiện đóng tiền BHXH còn nợ cho bà A là: 19,176,942 đồng gốc + 1,831,469 đồng lãi = 21,008,411 đồng.

Do Công ty TNHH MTV T ngừng hoạt động, Bảo hiểm xã hội thành phố Đ không tiếp tục tính lãi chậm đóng BHXH phát sinh từ tháng 8.2018 nên HĐXX không xem xét.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[3] Án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH MTV T phải chịu án phí lao động sơ thẩm là (1,061,070 đồng + 21,008,411 đồng) x 3% = 22,069,481 đồng x 3 % = 662,084 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 229, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 47, Điều 90, Điều 96, Điều 186, Điều 201 của Bộ luật Lao động;

- Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 21, Điều 85, Điều 86, khoản 2 Điều 89 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc *"*Tranh chấp đòi tiền lương, tiền bảo hiểm xã hội" của bà Trần Thị Thúy A.

Xử:

- Buộc Công ty TNHH MTV T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Thúy A lương tháng 6.2018 là 1.061.070 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Buộc Công ty TNHH MTV T có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội cho bà Trần Thị Thúy A tại Bảo hiểm xã hội thành phố Đ trong thời gian từ tháng 11.2016 đến tháng 6.2018 với số tiền 21.008.411 đồng (trong đó gốc là 19.176.942 đồng và lãi là 1.831.469 đồng).

2. Án phí lao động sơ thẩm: Án phí lao động sơ thẩm là 662.084 đồng Công ty TNHH MTV T phải chịu.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Trinh